

株式会社ミツシュ インターナショナル

モジュール別 性能表				
モジュール型名	サンプリング	分解能	ch数	種別
ACQ425ELF	2 MHz	16/18 bit	16 ch	A/D
ACQ424ELF	1 MHz	16 bit	32 ch	A/D
ACQ427ELF	2 MHz	16/18 bit	8 ch	A/D
	1 MHz	16 bit	4 ch	D/A
ACQ465ELF	374 kHz	24 bit	32 ch	A/D
ACQ480FMC	80 MHz	14 bit	8 ch	A/D
ACQ482ELF	10 MHz	14 bit	16 ch	A/D
AO420FMC	1 MHz	16/18/20 bit	4 ch	D/A
AO424ELF	500 kHz	16 bit	32 ch	D/A
AO424ELF-16-LL	1MHz	16 bit	16 ch	D/A

記録対象	HD video / Serial FPD / Gigabit Ethernet 10GbE / 40GbE / 100GbE
記録容量	～80TB
記録速度	～5GB/s
動作温度	-40℃ ～ +75℃
動作湿度	100% (結露無し)
振動・衝撃	MIL-STD-810
EMI / RFI	MIL-STD-461 (Tested)
サイズ	157 x 201 x 103
重量	4Kg～
消費電力	125W (Max)



- ① 記録データは専用のデータカートリッジに保存され、取り外しが可能
- ② データカートリッジは専用のトレイを実装したPCに装着して、データの保存・解析が可能

DDR HYPERION400 400GbE対応高速レコーダ

製品	XDR TITAN100	DDR HYPERON400
システム	MIL-STD対応	1U Rack Mount
記録&再生レート	～100Gbps	～400Gbps
Ports	SFP+ / SFP28 / QSFP+ / QSFP28	SFP+ / SFP28 / QSFP+ / QSFP28 / QSFP56
記録容量	～720TB	～720TB
サイズ	254 x 254 x 508	439 x 43 x 680量
18.1Kg	16.0Kg	
電源	28VDC, 350W	AC, 800W



NDS Discovery Station
データストレージシステム



RDR THEMIS50
Rugged MIL-STD-810システム



nStudio Software